

LỄ và HỘI ĐỀN HÙNG ở QUÊ TÔI

(Chương 19 của cuốn “**Quê Hương Niềm Đau và Nỗi Nhớ**”)

Tác Giả: Huy Vũ

Ai lên Phú Thọ cùng ta
Vui ngày giỗ Tổ tháng Ba mừng Mười
Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mừng Mười tháng Ba
(Ca dao)

Làng Á của tôi ngày xưa cùng thuộc phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, với làng Cổ Tích nên hầu như hàng năm vào tháng Ba Âm Lịch thường được chứng kiến cảnh tấp nập và nhộn nhịp của người dân trong vùng cũng như người dân từ những nơi khác kéo đến tham dự Lễ và Hội đền Hùng. Theo sử liệu, ngày giỗ Tổ Hùng Vương trước đây là ngày 12 tháng 3 Âm Lịch. Tương truyền rằng, ngày này là ngày giỗ Kinh Dương Vương, tức vị vua đầu tiên trong 18 vị vua Hùng. Kinh Dương Vương lên ngôi vào năm 2879 trước Tây Lịch. Đến đầu thế kỷ 19, nhà Nguyễn, không biết vì lý do gì, đã sửa đổi lại ngày giỗ Quốc Tổ là ngày Mười tháng Ba Âm Lịch.

Hàng năm cứ đến ngày này, ở núi Nghĩa Lĩnh thuộc làng Cổ Tích, tỉnh Phú Thọ, nơi có đền thờ các vua Hùng, chính quyền tổ chức LỄ GIỖ TỔ và HỘI ĐỀN HÙNG cùng một lúc, và do các quan hàng tỉnh chủ trì. Vào những năm chia chẵn cho 5 như 1905, 1910, 1915, thường được tổ chức lớn hơn gọi là LỄ và HỘI chánh do các quan triều đình chủ trì. Vào những năm này người ta thấy một lá cờ ngũ sắc rất lớn với chữ “THẦN” ở giữa nên được gọi là THẦN KỶ, được cắm trước nhiều ngày trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh, như để thông báo cho mọi người biết là năm ấy có LỄ và HỘI chánh.

Trước năm 1945, vào những ngày lễ và hội thường có vào khoảng bốn, năm chục ngàn người tới tham dự. Còn vào những năm lễ và hội chánh có tới hàng trăm ngàn người từ khắp trong nước qui tụ về đây để trải hội Đền Hùng và dự lễ Giỗ Quốc Tổ. Trong thời gian 9 năm kháng chiến chống Pháp, dường như không hề có tổ chức giỗ Tổ. Có lẽ vì máy bay của quân đội Pháp tự do tung hoành trên bầu trời của Liên Khu Bắc Việt nên chẳng còn ai dám tụ tập đông đảo tại đây để cử hành lễ giỗ Tổ nữa. Vào ngày này, chỉ còn ông từ giữ đền và một vài vị bô lão trong làng Cổ Tích còn có lòng nhớ đến công đức của tiền nhân rủ nhau tới đây thắp hương và cúng bái một cách âm thầm lặng lẽ. Mặt khác vì tổ tiên của ông Hồ và các đồng chí của ông lúc ấy đâu có phải là Hùng Vương, mà là Karl Marx, Lenine, Staline và Mao Trạch Đông, nên việc tổ chức giỗ tổ không còn được nhà cầm quyền quan tâm. Nhà đại thi hào bồi bút Tố Hữu trong một bài thơ của ông đã long trọng xác định người cộng sản là phải: “Thờ Mao Chủ Tịch thờ Staline bắt diệt.”

Từ năm 1955 tới năm 1975, việc tổ chức lễ hội Hùng Vương cũng không khá hơn bao nhiêu, mặc dù chiến tranh đã chấm dứt. Có lẽ vì nhà cầm quyền cộng sản miền Bắc lúc bấy giờ đang dốc toàn lực vào việc huy động toàn dân lao đầu vào công cuộc “giải phóng miền Nam” để gấp rút hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, hầu mau chóng dâng nộp Việt Nam cho Quốc Tế Cộng Sản, nên chẳng còn hơi sức đâu mà để ý đến việc tổ chức LỄ GIỖ TỔ và HỘI ĐỀN HÙNG. Cho đến đầu thập niên 1990, khi chủ nghĩa Cộng Sản hoàn toàn sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu khiến cho đám cộng sản Việt Nam như rắn mất đầu không còn biết bấu víu vào đâu nữa, nên đành phải quay về với cội nguồn dân tộc. Mặt khác, chủ thuyết vô thần của cộng sản không còn được ai tin tưởng nữa. Khi chủ thuyết vô thần đã bị hạ bệ, thì chủ thuyết hữu thần vốn sẵn có trong lòng người Việt lại có cơ hội vùng lên, nên người dân lại kéo nhau đến đền, miếu, đình, chùa v.v.. lễ bái đông đảo hơn xưa. Hơn nữa chỗ nào có người tập trung đông đảo, thì đảng viên và thân nhân của họ lại có cơ hội độc quyền cung ứng dịch vụ và tiện nghi là có thể vơ vét được chút ít tiền bạc. Do đó những năm gần đây Lễ và Hội Đền Hùng được nhà cầm quyền Cộng Sản đứng ra tổ chức và người dân tham dự lễ và hội này mỗi năm một đông lên.



Trước năm 1945, cứ vào ngày mùng Mười tháng Ba, ngoài những ngôi đền ở núi Nghĩa Lĩnh, các ngôi đền thờ Quốc Tổ ở địa phương, rải rác từ Bắc chí Nam, cũng đều tổ chức Giỗ Tổ, để cho người dân trong vùng không có cơ hội tới được núi Nghĩa Lĩnh, cùng có dịp thấp nén hương trước bàn thờ Tổ, tưởng nhớ đến những bậc tiền nhân đã dày công dựng nước và lưu truyền lại cho con cháu tới ngày nay.

Riêng các đền thờ TỔ trong vùng quê tôi thường không quá xa đền chính, thường tổ chức rước kiệu đến chầu. Kiệu được sơn son thiếp vàng, và được khiêng bởi các thanh niên hay thiếu nữ ăn mặc đồng phục theo lối cổ truyền. Trên kiệu thường có bài vị, bánh dầy, bánh chưng, hoa, quả, nhang, đèn, v.v... Đi theo kiệu là những lá cờ ngũ sắc, những chiếc lọng xanh đỏ, chiêng, trống và dàn nhạc bát âm và hàng trăm dân làng gồm già trẻ lớn bé, xúng xính trong những bộ quần áo mới và trịnh trọng nhất. Đôi khi còn được tháp tùng bởi một toán phường chèo, vừa đi vừa hát múa.

Vào những ngày lễ hội chính, còn có các trò chơi dân gian đặc sắc của vùng Phú Thọ như đánh đu, đu tiên, đánh phết, leo cột mỡ, kéo dây, ném quả còn, cướp cầu, cướp cờ, múa sư tử... và những cuộc thi hấp dẫn như chọi gà, đấu vật, đấu cờ người, thi nấu cơm, thi bắn nỏ, v.v... Ngoài ra còn có các đám cờ bạc nhỏ, không mang tính chất sát phạt lớn để nhiều người có thể tham dự cùng một lúc, như thò lò súc sắc, v.v..

Trò chơi leo cột mỡ và đánh đu rất phổ biến ở miền Bắc vào thời xưa, và cụ Nguyễn Khuyến đã có dịp đề cập đến trò chơi này:

“Cậy sức cây đu nhiều chị nhún
Tham tiền cột mỡ lắm anh leo”

Trò chơi đu tiên như hình dưới sau đây cũng là một thú vui của thanh niên và thiếu nữ trong nước, mỗi khi có hội hè. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng đã mô tả trò chơi này qua những lời thơ rất dí dỏm của bà:

“Tám cột khen ai khéo khéo trông
Người thời lên đánh kẻ ngồi trông
Trai đu gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc duỗi song song...”
Chơi Xuân ai biết xuân chẳng tá
Cột nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.

Trong ngày lễ hội cũng có ca nhạc dân gian như hát xẩm, hát xoan, hát giao duyên, hát ví, hát đố, hát trống quân, hát sa mạc, hát cò lả v.v.. Về đêm còn có thêm hát chèo, hát tuồng do các gánh hát nhà nghề mà ban tổ chức thuê để hát cúng hay giúp vui v.v..



Vào năm 1918, ông Dương Tự Nhu có viết một bài thơ, tựa đề là “Hùng Vương Kỷ Niệm Hội” đề cập đến cảnh hùng vĩ của núi Hùng cùng sự đông đảo và náo nhiệt trong ngày Hội:

*Sông kia một giải Hồng Hà
Núi kia cao ngất gọi là Hùng Sơn
Dấu thơm từ trước chẳng mòn
Tiên Rồng lại nở ra con Tiên Rồng
Ai ơi đến hội mà trông
Nơi tung diều sáo nơi trông đu tiên
Nào cờ nào trống nào đèn
Nào xe nào ngựa như mèm suốt ngày
Văn minh kết quả sau này
Hồi ai ăn quả nhớ cây ai trồng.*

Ngon núi có đền thờ 18 vị vua nhà Hồng Bàng, có cùng một danh hiệu là Hùng Vương, được dân chúng quanh vùng gọi núi HÙNG, thuộc địa phận làng Cổ Tích. Trước năm 1945 làng này thuộc xã Hy Cương, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Khi Việt Minh lên nắm chính quyền vào tháng 8 năm 1945, họ đã thay đổi tên xã, nên thôn Cổ Tích thuộc xã Phong Châu, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Sau năm 1954, Cộng Sản miền Bắc lại sáp nhập ba tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên và Phú Thọ làm một, nên thôn Cổ Tích từ đó thuộc huyện Lâm Thao tỉnh Vĩnh Phú. Cách đây ít lâu nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã cho phục hồi lại các tỉnh cũ, nên thôn Cổ Tích lại trở về với tỉnh Phú Thọ. Theo sử liệu, làng Cổ Tích xã Phong Châu là kinh đô của nhà Hồng Bàng qua những câu thơ lục bát:

*Cối nam riêng một góc trời
Hùng Vương xây dựng đời đời nghiệp vua
Phong Châu là chốn kinh đô...
Chia mười lăm quận bản đồ mệnh mông*

Núi Hùng tên chính thức được ghi trong sử sách là núi Nghĩa Lĩnh hay Nghĩa Cương hoặc Bảo Thiếu Lĩnh. Tuy chỉ cao có 175 mét so với mực nước biển, nhưng là ngọn núi cao nhất với cây cối um tùm, đứng chơ vơ giữa một quần thể gồm những ngọn đồi thấp, thường không cao hơn 100 mét, với cây cỏ lơ thơ, nên núi Hùng có thể được hình dung như nàng Bạch Tuyết đứng giữa một đám đông những chú lùn. Người ta đếm được tất cả là 98 ngọn đồi có hình thù như những con voi phục châu đầu vào núi Hùng, nên nơi đây được coi là một thế đất "tụ sơn". Đứng trên đỉnh ngọn Nghĩa Lĩnh, nhìn về phía Tây-Nam ta sẽ thấy giao điểm của sông Hồng và sông Đà tại thị trấn Trung Hà, nhìn về phía Đông Nam ta sẽ thấy điểm hợp lưu của sông Hồng và sông Lô tại thị trấn Bạch Hạc, nên nơi đây còn được coi là thế đất "tụ thủy". Xa xa về phía Đông Nam có núi Tam Đảo và phía Tây Nam có núi Tản Viên; hai dãy núi này được coi là tay long và tay hổ của núi Hùng.

Về phương diện phong thủy, với ba yếu tố kể trên đã khiến cho vùng núi Nghĩa Lĩnh trở thành một thế đất hiếm quý. Có lẽ vì thế mà nhà Hồng Bàng đóng đô ở nơi đây đã trị vì dân Việt trong một thời gian rất dài tới 2621 năm chẳng?



Tại núi Nghĩa Lĩnh ngoài cổng đền được xây cất vào năm 1917 còn có ba ngôi đền chính. Trên đỉnh gọi là đền Thượng. Ở lưng chừng gọi là đền Trung và gần dưới chân gọi là đền Hạ. Vì có độ dốc cao, nên đường từ cổng chính dẫn tới đền Hạ, đền Trung và đền Thượng là những bậc thang nối tiếp nhau.

Từ cổng chính phải bước 225 bậc thang mới tới được Đền Hạ. Đền này gồm hai tòa nhà tiền bái và hậu cung, thờ hai vị công chúa Ngọc-Hoa và Tiên Dung là con gái của vua Hùng thứ 18, tức Hùng Duệ Vương. Tương truyền rằng đây còn là nơi bà Âu Cơ sinh ra một trăm trứng. Trong đền có một cái giếng, nước rất trong và ngọt, nên còn gọi là đền Giếng. Theo truyền thuyết, thì vào những ngày xa xưa các công chúa của các vua Hùng thường đến giếng này để soi mặt và tắm giặt. Bên cạnh đền Hạ còn có một ngôi chùa tên là Thiên Quang gọi là Thiên Quang Thiền Tự.

Từ đền Hạ người ta phải bước thêm 168 bậc thang nữa mới tới đền Trung. Đền Trung là một tòa nhà được xây dựng từ thế kỷ thứ XIV. Tương truyền rằng nơi đây là nơi các vua Hùng thường ngồi họp với các Lạc Hầu, Lạc Tướng, và các quan Lang tức các hoàng tử bàn về các vấn đề quốc sự. Nay là nơi thờ các vua Hùng, nên được gọi là Hùng Vương Tổ Miếu. Theo Thần thoại thì nơi đây cũng là nơi Lang Liêu tức Hoàng Tử Lang Liêu hiến dâng vua cha bánh DẦY và bánh CHỪNG và việc truyền ngôi cho ông cũng được cử hành tại đây.

Từ đền Trung khách trẩy hội lại phải leo thêm 102 bậc thang nữa mới tới Đền Thượng. Đền này được lập ra để thờ Trời, nên còn gọi là Kính Thiên Lĩnh Điện. Ngoài ra tại đây còn thờ thần Lúa và thần Núi nữa. Trong sân đền có một tảng đá hình vuông mỗi cạnh 40 centimét và cao 2 mét được gọi là THIÊN ÁN (ấn nhà trời). Ngoài cổng đền có bức hoành phi với dòng chữ Hán "NAM VIỆT TRIỀU TỔ" (Tổ tiên của người Việt Nam). Về phía Đông đền Thượng có một cái lăng, tương truyền rằng đây là Lăng vua Hùng thứ VI, Hùng Huy Vương. Khi dẹp giặc An xong, ngài tới đây nghỉ ngơi, rồi băng hà, nên được chôn cất ngay tại đó. Lúc đầu chỉ là ngôi

mộ đất. Đến năm 1870 mới xây mộ dựng lăng. Rồi đến năm 1922 được trùng tu. Mới đây có tin đồn là cán bộ địa phương đã lén lút khai quật lăng này để ăn cắp đồ cổ cùng vàng bạc và châu báu.

Các kiến trúc nói trên không phải là những kiến trúc có từ đời Hùng Vương mà là những công trình được thực hiện hoặc được tu bổ dưới triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần và Nguyễn về sau này. Các di tích thật sự có từ đời cổ xưa chỉ còn lại rất ít, như cột đá, riu đá, giáo đồng, và các đồ dùng bằng đất nung, v.v...

Trước năm 1945, việc di chuyển tới đền để dự Lễ và Hội tại đền Hùng, đối với người miền xuôi, chỉ có thể dùng xe hơi hay xe lửa. Nếu sử dụng đường xe lửa Hà Nội Vân Nam, thì khách hành hương phải xuống ga Tân Kiên cũng thuộc xã Hy Cương với thôn Cổ Tích, rồi từ đây thuê xe nhỏ tới Đền. Còn dùng xe hơi Hà Nội Hưng Hoá thì sau khi đi qua thị xã này phải qua phà sang làng Á tức làng Á Nguyên hay Bản Nguyên của tôi, chạy theo con đê để tới thị xã Lâm Thao, rồi đi theo một con đường trải đá tới Tân Kiên rồi vào Đền Hùng. Còn những người địa phương trong vùng như Sơn Dương, Sơn Vi, Thanh Mai, Chu Hoá, Thạch Sơn v.v.. thì có quá nhiều đường ngang ngõ tắt, qua núi, qua đồi để đến Đền.

Khi nhắc tới giỗ Tổ Hùng Vương và Đền Hùng, người không thể không nhắc tới một vài nghi vấn vẫn tồn tại với chiều dài lịch sử của ngôi đền này.

1. Nước ta tính đến nay phải chăng đã có gần 5.000 năm lịch sử? Theo truyền thuyết thì Kinh Dương Vương lên ngôi vào năm 2879 trước Tây Lịch. Nếu truyền thuyết này đúng thì nước ta đã có gần 5.000 năm lịch sử. Trong khi đó ngành khảo cổ chỉ có thể chứng minh cụ thể được rằng nước ta chỉ có khoảng trên 2.000 năm lịch sử là cùng.

2. Thời gian trị vì của các vua Hùng cũng là điều khó hiểu. Theo Việt Sử Toàn Thư, thì triều đại Hồng Bàng từ Kinh Dương Vương lên ngôi vào năm Nhâm Tuất, 2879 trước Công Nguyên, đến vị vua cuối cùng là Hùng Duệ Vương, bị Thục Phán cướp ngôi vào năm Quý Mão, 258 trước Tây Lịch. Theo Ngọc Phả Hùng Vương thì người làm vua dài nhất tới 340 năm là Hùng Hoa Vương. Hai người làm vua ngắn nhất có 86 năm, là Kinh Dương Vương, và Hùng Vũ Vương. Tổng cộng thời gian trị vì của tất cả 18 đời vua Hùng là 2.621 năm. Tính trung bình mỗi vị vua trị vì tới 150 năm. Là con người thật sự, dù cổ hay kim, khó có ai sống tới 100 tuổi, nên làm vua tới 86 năm còn có thể tin được. Còn làm vua lên tới trên 150 năm quả là điều không tưởng. Dựa vào qui luật này, một số người giải thích một cách võ đoán rằng 18 đời vua Hùng phải được hiểu theo nghĩa là 18 chi họ chứ không phải là 18 vị vua riêng rẽ. Song cũng có người lại cho rằng, người xưa sống theo lẽ tự nhiên nên sống lâu hơn đời nay. Theo Tân Ước, Adam sống tới 930 tuổi. Seth, con trai Adam, sống tới 912 tuổi. Enosh, con trai Seth, sống tới 905 tuổi. Kenan, con trai Enosh, sống tới 910 tuổi. Mahalalel, con trai Kenan, sống tới 895 tuổi. Nếu tin Tân Ước thì cũng có thể tin được là 18 đời vua Hùng nêu trong ngọc phả là 18 vị vua riêng rẽ.

3. Sự cấu tạo khác thường của núi Nghĩa Lĩnh. Cách cấu tạo của núi Nghĩa Lĩnh dường như không có vẻ tự nhiên như các đồi núi khác trong vùng. Nếu ai đã từng ngắm nhìn núi Nghĩa Lĩnh từ xa chắc chắn sẽ nhận ra được sự cấu tạo rất khác thường của nó: Một là, núi này cao lênh khênh và đứng chơi vơi giữa một đám đồi thấp, khiến người ta có cảm tưởng như một chàng khổng lồ đang chặn một đàn voi. Hai là, núi này có độ dốc gần như thẳng đứng, còn các đồi núi chung quanh chỉ thoải thoải mà thôi. Vì hiện tượng đặc biệt này, mà nhiều người tin rằng chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh là có thể chuyện có thật. Theo truyền thuyết, Hùng Duệ Vương có người con gái rất đẹp tên là My Nương, nên được rất nhiều chàng trai con vua cháu chúa nhờ người đến mai mối. Trong số những ứng viên này, nhà vua chọn được hai người tài giỏi ngang nhau, là Sơn Tinh và Thủy Tinh. Song nhà vua phân vân không biết chọn ai giữa hai người này, nên mới nghĩ ra được một kế, bèn cho gọi Sơn Tinh và Thủy Tinh tới gần rồi phán rằng: "Ngày mai hễ ai mang lễ vật tới trước ta sẽ gả công chúa cho."

Sáng hôm sau, khi quân hầu vừa mở cửa hoàng thành đã thấy Sơn Tinh cùng gia nhân và lễ vật đứng chờ, nên nhà vua bèn gả công chúa cho Sơn Tinh. Ngay sau đó Sơn Tinh bèn rước công chúa My Nương về núi Tản Viên. Khi Thủy Tinh mang lễ vật đến thì được biết Sơn Tinh đã rước công chúa đi rồi. Vô cùng tức giận, Thủy Tinh bèn phò phép làm mưa to gió lớn. Chỉ trong chốc lát, nước dâng cao, như muốn nhận chìm kinh đô nhà Hồng Bàng dưới làn nước đục ngầu. Binh tôm tương cá nguậy nước ùng ùng làm cho nhà vua và dân

chúng trong vùng vô cùng khiếp sợ.

Khi đã đi được một quãng đường khá xa, công chúa My Nương bỗng nghe thấy tiếng sấm ì-ầm ở phía sau, bèn quay đầu nhìn lại thấy trên bầu trời kinh đô của vua cha, mây đen vần vũ; những tia chớp loé sáng chói chang v.v... Vì tin rằng có biến cố chi đây, nên My Nương yêu cầu Sơn Tinh trở lại để tiếp cứu vua cha. Khi đã biết rõ có sự, Sơn Tinh bèn dùng pháp thuật hể nước dâng cao bao nhiêu thì núi Hùng cũng trôi lên cao bấy nhiêu. Cho tới lúc Thủy Tinh không còn khả năng nâng cao mực nước hơn nữa được mới chịu bỏ đi.

Hậu quả của cuộc chiến này là núi Nghĩa Lĩnh cao hơn và có độ dốc khác hẳn với các ngọn đồi khác quanh vùng nên dân chúng mới gọi núi này là Đột Ngột Cao Sơn. Nhìn ngọn Đột Ngột Cao Sơn hiện tại và nghe chuyện thần thoại xa xưa ta có cảm nghĩ là chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh dường như có thật.

4. Chiếc vỏ trấu khổng lồ. Cho tới ngày nay, người ta vẫn lưu truyền rằng trên đền Thượng, nơi thờ Thần Lúa, vẫn còn cất giữ một mảnh trấu lớn bằng chiếc thuyền nan. Thuyền nan là một loại thuyền có hình thoi được đan bằng tre, cạp miệng, rồi trét sơn trộn với mật cưa cả hai mặt trong và ngoài, để nước không thấm qua, và thường được dùng để đi lại trên sông hồ vùng Phú Thọ. Một chiếc thuyền nan bé tẻo teo như chiếc thuyền câu của cụ Tam Nguyên Yên Đổ đi nữa cũng có chiều dài khoảng 3 mét và rộng khoản 0,7 mét và chiều sâu khoảng 0,5 mét. Nói thế có nghĩa là hạt lúa hay hạt gạo dưới thời Hùng Vương lớn lắm, và có thể nặng tới 2 hay 3 trăm kilô. Chỉ cần một hạt gạo thôi là hàng chục người ăn cả tháng không hết. Nếu tin tưởng là chuyện này có thật, thì ta cũng phải tin rằng cây lúa thời Hùng Vương ít ra phải lớn như một cây đại thụ, thân và cành của nó phải to và cứng hơn cả những loại cây danh mộc như đinh, lim, sến, táu mới có thể mang được những hạt lúa to và nặng như thế.

Trong những năm 1952-1954, khi học trường trung học Xuân Huy, và trọ học tại làng Sơn Lũng. Làng này chỉ cách núi Nghĩa Lĩnh độ 4 hay 5 cây số theo đường chim bay, kẻ viết bài này có một người bạn học tên Nguyễn Văn Thuận ở làng Cổ Tích. Cậu ta là con một ông Từ đang trông coi đền Hùng vào thời gian ấy. Vì tò mò tôi mới hỏi anh Thuận về chiếc vỏ trấu. Anh ta cho biết là thường theo giúp bố trong việc quét tước và nhang đèn, nên không một ngõ ngách nào ở đền Thượng mà anh không biết, nhưng chưa bao giờ thấy chiếc vỏ trấu khổng lồ đó cả. Anh Thuận còn cho biết thêm là ngay dân làng Cổ Tích của anh cũng đồn đại như thế.

Làng Á của tôi có vinh hạnh là cùng huyện Lâm Thao và tỉnh Phú Thọ với làng Cổ Tích nơi có đền thờ các vua Hùng, và cũng chỉ cách làng này khoảng 9 hay 10 cây số theo đường chim bay. Đầu làng tôi lại có bến phà gọi Phà Cống Á là nơi đưa rước các loại xe cộ từ Hà Nội và miền xuôi tới thị trấn Hưng Hóa, rồi qua sông Hồng để tham dự Lễ và Hội đền Hùng. Do đó cứ vào cuối tháng hai bước sang đầu tháng Ba Âm Lịch là làng tôi lại nhộn nhịp hẳn lên vì dân làng rủ nhau đi dự lễ giỗ tổ và xe cộ cùng khách hành hương tấp nập qua phà kéo về làng Cổ Tích. Tuy đã nhiều năm qua rồi, song tôi vẫn không thể quên được những ngày Lễ và Hội Đền Hùng náo nhiệt xa xưa ở quê tôi.